

Số: 201/QĐ-THPTLTK

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, công khai sử dụng phương tiện đi lại và tài sản khác, công khai tình hình đầu tư xây dựng mua sắm, giao thuê tài sản công

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LÝ THƯỜNG KIỆT

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 51/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ tình hình thực tế việc quản lý, sử dụng tài sản trụ sở làm việc của trường THPT Lý Thường Kiệt năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai quản lý, sử dụng tài sản, trụ sở làm việc của trường THPT Lý Thường Kiệt (Kèm theo phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo trường THPT Lý Thường Kiệt, Chủ tịch công đoàn, Đoàn Thanh Niên, các tổ chuyên môn, bộ phận tài vụ, các phòng chức năng và toàn thể cán bộ viên chức nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ phận tài vụ;
- Lưu: VP.

Hiệu trưởng
TRƯỜNG
TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
LÝ THƯỜNG KIỆT
Dương Hải Bảy Mươi

Bộ, tỉnh: Thành phố Hà Nội
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Lý Thường Kiệt
Mã đơn vị: 1089733
Loại hình đơn vị: Khóis sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Trường THPT Lý Thường Kiệt									2002	16.000	6.620.387			16.000							
	Tổng cộng:										16.000	6.620.387			16.000							

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Ucane

Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Bộ, tỉnh: Thành phố Hà Nội

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Lý Thường Kiệt

Mã đơn vị: 1089733

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		189	3.890.097	3.890.097		546.415							
1	Bảng tương tác	Kho Chung	1	167.426	167.426									
2	Máy tính kèm lưu điện	Phòng bộ môn	1	12.250	12.250									
3	Máy tính xách tay	Văn Phòng nhà trường	1	14.070	14.070		8.442							
4	Máy tính xách tay	Văn Phòng nhà trường	1	14.070	14.070		8.442							x
5	Máy tính xách tay (laptop)	Kho Chung	1	14.100	14.100									x
6	Máy tính xách tay Dell 14R	Phòng Hiệu Trưởng	1	16.450	16.450									
7	Máy tính xách tay Dell 14R	Phòng Hiệu Phó 1	1	16.450	16.450									
8	Máy tính xách tay Fuitsu	Kho Chung	1	33.306	33.306									
9	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
10	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
11	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
12	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
13	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
14	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
15	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
16	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
17	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
18	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
19	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
20	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
21	Máy tính kèm lưu điện	Phòng bộ môn	1	12.250	12.250									
22	Máy tính kèm lưu điện	Phòng Hiệu Phó 1	1	12.250	12.250									
23	Máy tính kèm lưu điện	Phòng bộ môn	1	12.250	12.250									
24	Máy tính kèm lưu điện	Phòng bộ môn	1	12.250	12.250									
25	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							
26	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							x
27	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							x
28	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							x
29	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							x
30	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							x
31	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							x
32	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							x
33	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							x
34	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									x
35	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							x
36	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							x
37	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							x
38	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
39	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							
40	Máy tính Dell Inspiron	Phòng Tài vụ	1	15.400	15.400									x
41	Máy tính kèm lưu điện	Phòng bộ môn	1	12.250	12.250									
42	Máy tính kèm lưu điện	Kho Chung	1	12.250	12.250									
43	Máy tính kèm lưu điện	Phòng bộ môn	1	12.250	12.250									
44	Máy tính kèm lưu điện	Phòng Thư Viện	1	12.250	12.250									
45	Máy tính để bàn cho giáo viên	Văn Phòng nhà trường	1	12.900	12.900		7.740							
46	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									x
47	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
48	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
49	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
50	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
51	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
52	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
53	Phần mềm chấm trắc nghiệm	Kho Chung	1	16.000	16.000									
54	Sa bàn	Phòng truyền thống	1	45.000	45.000									
55	Thiết bị âm thanh di động	Kho Chung	1	19.089	19.089		5.625							
56	Thiết bị môn bóng bàn	Phòng Đa Năng	1	10.710	10.710		1.339							
57	Thiết bị môn bóng bàn	Phòng Đa Năng	1	10.710	10.710		1.339							
58	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
59	Thiết bị phòng đa năng	Phòng Đa Năng	1	151.810	151.810									
60	Tivi Samsung Internet 50inch	Phòng Hội Đồng	1	19.500	19.500									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
61	Trang trí pano ,tranh ảnh	Phòng Đa Năng	1	10.340	10.340		1.293							
62	Tủ điều khiển	Phòng Thí nghiệm	1	15.000	15.000									
63	Tủ điều khiển trung tâm (KT600x700mm)	Phòng Thí nghiệm	1	15.000	15.000									
64	Tủ đựng hóa chất chuyên dụng	Phòng Thí nghiệm	1	19.000	19.000		2.375							
65	Tủ đựng hóa chất chuyên dụng có khử mùi	Phòng Thí nghiệm	1	19.000	19.000		2.375							
66	Tủ hút	Phòng Thí nghiệm	1	38.955	38.955		34.086							
67	Tủ làm thí nghiệm	Phòng Thí nghiệm	1	28.000	28.000		3.500							x
68	Tủ sấy	Phòng Thí nghiệm	1	10.000	10.000		1.250							
69	Thiết bị phòng TN Sinh	Phòng Thí nghiệm	1	116.122	116.122									
70	Máy tính để bàn - CMS- Media X938-866/Việt Nam	Văn Phòng nhà trường	1	11.800	11.800									
71	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
72	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
73	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
74	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
75	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
76	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
77	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
78	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
79	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
80	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
81	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
82	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
83	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
84	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
85	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
86	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
87	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
88	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
89	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
90	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
91	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
92	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
93	Máy vi tính học sinh FPTELEADT5240is	Phòng Máy Tính	1	12.400	12.400									
94	Xà đơn	Phòng Đa Năng	1	12.000	12.000		1.500							
95	Máy tính để bàn - CMS- Media X938-866/Việt Nam	Phòng Thư Viện	1	11.800	11.800									
96	Máy tính để bàn - CMS- Media X938-866/Việt Nam	Phòng Hiệu phó 2	1	11.800	11.800									
97	Bộ thiết bị cơ khí cỡ nhỏ	Phòng Thí nghiệm	1	12.370	12.370		9.278							
98	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Vật lí	Phòng Thí nghiệm	1	13.223	13.223		11.570							x
99	Bộ thiết bị đo kĩ thuật số tích hợp	Phòng Thí nghiệm	1	19.400	19.400		14.550							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
100	Bộ thiết bị phòng cháy chữa cháy	Văn Phòng nhà trường	1	262.300	262.300		32.788							
101	Bộ thu nhận số liệu	Phòng Thí nghiệm	1	26.190	26.190		19.643							
102	Bộ thu tín hiệu	Kho Chung	1	18.890	18.890									x
103	Bục tượng bác	Phòng truyền thống	1	10.000	10.000		1.250							
104	Điều hòa 18.000BTU	Phòng Hiệu Phó 1	1	16.792	16.792		2.099							
105	Điều hòa 18.000BTU	Phòng truyền thống	1	16.792	16.792		2.099							
106	Điều hòa 18.000BTU	Phòng Hiệu phó 2	1	16.792	16.792		2.099							
107	Điều hòa cây FUNIKI 27000BTU	Phòng Hiệu Trưởng	1	15.900	15.900									
108	Điều Hòa DAIKIN-FTNE50MV1/RME- 50MV1V	Phòng Máy Tính	1	19.800	19.800									
109	Điều Hòa DAIKIN-FTNE50MV1/RME- 50MV1V	Phòng Máy Tính	1	19.800	19.800									
110	Điều hòa FUNIKI cây 24.000 BTU	Phòng Hội Đồng	1	15.100	15.100									
111	Điều hòa FUNIKI cây 24.000 BTU	Phòng Hội Đồng	1	15.100	15.100									
112	Điều hòa Samsung 18.000 BTU	Phòng Máy Tính	1	12.085	12.085									
113	Điều hòa Samsung 18.000 BTU	Phòng Máy Tính	1	12.085	12.085									
114	Máy bắn tập	Nhà Thờ Chát	1	22.600	22.600									
115	Máy bơm PCCC	Kho Chung	1	43.500	43.500									
116	Bộ thiết bị cơ khí cỡ nhỏ	Phòng Thí nghiệm	1	12.130	12.130		9.098							
117	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp học thông thường	1	12.000	12.000									x
118	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp học thông thường	1	12.000	12.000									
119	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp học thông thường	1	12.000	12.000									
120	Bộ âm thanh(loa.aamly,mic)	Phòng Hội Đồng	1	26.500	26.500									
121	Bộ amply sân khấu	Kho Chung	1	33.241	33.241									
122	Bộ học liệu điện tử - Sinh Học lớp 10	Phòng Thí nghiệm	1	15.520	15.520		11.640							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
123	Bộ học liệu điện tử 3D - Hoá học lớp 11	Phòng Thí nghiệm	1	15.520	15.520		11.640							x
124	Bộ học liệu điện tử 3D - Hoá học lớp 11	Phòng Thí nghiệm	1	11.640	11.640		8.730							x
125	Bộ học liệu điện tử 3D - Vật Lí lớp 10	Phòng Thí nghiệm	1	12.610	12.610		9.458							x
126	Bộ học liệu điện tử 3D- Hóa Học lớp 10	Phòng Thí nghiệm	1	16.490	16.490		12.368							x
127	Bộ lao âm ly ,míc ngoài trời + loa hội trường JBL	Kho Chung	1	43.670	43.670									
128	Bộ máy tính để bàn I5	Phòng Máy Tính	1	14.700	14.700		11.760							x
129	Máy chấm bài trắc nghiệm	Kho Chung	1	18.375	18.375									
130	Bộ máy tính để bàn I5	Trường THPT Lý Thường Kiệt	1	14.700	14.700		11.760							x
131	Bộ máy tính để bàn I5	Phòng Máy Tính	1	14.700	14.700		11.760							x
132	Bộ máy tính để bàn I5	Trường THPT Lý Thường Kiệt	1	14.700	14.700		11.760							x
133	Bộ máy tính để bàn I5	Phòng Máy Tính	1	14.700	14.700		11.760							x
134	Bộ máy tính để bàn I5	Trường THPT Lý Thường Kiệt	1	14.700	14.700		11.760							x
135	Bộ nhận dữ liệu từ các cảm biến	Phòng Thí nghiệm	1	26.190	26.190		19.643							x
136	Bộ nhận dữ liệu từ các cảm biến	Phòng Thí nghiệm	1	26.190	26.190		19.643							x
137	Bộ nhận dữ liệu từ các cảm biến	Phòng Thí nghiệm	1	26.190	26.190		19.643							x
138	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp học thông thường	1	12.000	12.000									
139	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp học thông thường	1	12.000	12.000									
140	Bộ máy tính để bàn I5	Phòng Máy Tính	1	14.700	14.700		11.760							x
141	Máy chiếu	Lớp học thông thường	1	21.830	21.830		13.098							x
142	Máy chiếu	Lớp học thông thường	1	21.830	21.830		13.098							x
143	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									
144	Máy chiếu HPEC 800I	Kho Chung	1	10.000	10.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
145	Máy chiếu HPEC 800I	Kho Chung	1	10.000	10.000									
146	Máy chiếu HPEC 800I	Kho Chung	1	10.000	10.000									
147	Máy chiếu khoảng cách siêu gần	Kho Chung	1	43.745	43.745									
148	Máy chiếu Mitsu SD 220	Kho Chung	1	13.615	13.615									
149	Máy chiếu Projector + màn chiếu (H-PEC 3016A)	Kho Chung	1	38.870	38.870									
150	Máy chiếu vật thể Earzone	Kho Chung	1	24.159	24.159									
151	Máy chiếu ViewSonic	Kho Chung	1	36.000	36.000									
152	Máy chủ CMS X-Media	Kho Chung	1	15.750	15.750									
153	Máy chiếu dự án ATGT	Kho Chung	1	10.000	10.000									
154	Máy chủ FPT Elead	Kho Chung	1	87.630	87.630									
155	Máy phát điện - MPĐ 390 Honda Việt Nam	Kho Chung	1	45.000	45.000									
156	Máy phát điện Honda EN 5500	Kho Chung	1	15.225	15.225									
157	Máy pho to Sharp ARM206	Văn Phòng nhà trường	1	33.544	33.544									
158	Máy photo Sharp	Văn Phòng nhà trường	1	83.930	83.930									
159	Máy tính ASUS	Phòng Hiệu Trưởng	1	14.200	14.200									
160	Máy tính để bàn - CMS- Media X938-866/Việt Nam	Phòng Thư Viện	1	11.800	11.800									
161	Máy tính để bàn - CMS- Media X938-866/Việt Nam	Phòng Thư Viện	1	11.800	11.800									
162	Máy tính để bàn - CMS- Media X938-866/Việt Nam	Phòng Thư Viện	1	11.800	11.800									
163	Máy tính để bàn - CMS- Media X938-866/Việt Nam	Phòng Thư Viện	1	11.800	11.800									
164	Máy in siêu tốc RISO	Phòng Máy Tính	1	72.750	72.750									
165	Máy tính để bàn - CMS- Media X938-866/Việt Nam	Phòng Thư Viện	1	11.800	11.800									
166	Máy chiếu BENQ	Lớp học thông thường	1	19.453	19.453		15.562							
167	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
168	Máy chiếu + màn chiếu	Phòng Thí nghiệm	1	31.460	31.460									
169	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									
170	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	31.460	31.460									
171	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									
172	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	31.460	31.460									
173	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	31.460	31.460									
174	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									
175	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									
176	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	31.460	31.460									
177	Máy chiếu BENQ	Lớp học thông thường	1	19.453	19.453		15.562							
178	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									x
179	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									
180	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									
181	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									
182	Máy chiếu + màn chiếu	Phòng Thí nghiệm	1	31.460	31.460									
183	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									
184	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									
185	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									
186	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									
187	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	31.460	31.460									
188	Máy chiếu + màn chiếu	Lớp học thông thường	1	12.050	12.050									
189	Xà kép	Phòng Đa Năng	1	15.000	15.000		1.875							

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Leu

Ngày 21. tháng 12. năm 2019
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Đường Thị Trang Mười



APR 19 1964